

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHĐộc lập - Tự do - Hạnh p

TỈNH GI

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2024

“V/v: Tuyên bố không công
nhậnquan hệ vợ chồng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CH TỈNH GI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức R.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn N và bà Phạm Thị T.

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn S - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Gi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh D - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ch, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST - HNGĐ ngày 19/02/2024; về việc “Yêu cầu không công nhận vợ chồng”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 25/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33a/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2024, giữa:

N đơn: Chị Trịnh Thị T, sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 6, xã Ia N, huyện Ch, tỉnh Gi.

Bị đơn: Anh Lê Văn S, sinh năm: 1968 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 6, xã Ia N, huyện Ch, tỉnh Gi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2024, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, n đơn chị Trịnh Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh S chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức đám cưới vào ngày 10/02/1992 trước sự chứng kiến và đồng ý của gia đình hai bên nội, ngoại, họ hàng, bà con lối xóm và chính quyền địa phương nh không đăng ký kết hôn; việc chúng tôi sống chung là hoàn toàn tự nguyện không có sự ràng buộc nào cả, trong cuộc sống của chúng tôi không hòa hợp mâu thuẫn luôn xảy ra, sống thiếu tinh thần, trách nhiệm với nhau và có những hành vi thiếu tôn trọng nhau, không tìm được tiếng nói chung; nay tôi nhận thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng không thể kéo dài bởi mục đích hôn nhân không đạt được; vợ chồng không còn yêu quý trọng chăm sóc, giúp đỡ nhau. Người nào chỉ biết bỏn phận người đó, bỏ mặc nhau muốn sống sao thì sống. Hôn nhân xảy ra tình trạng ngược

quy định, đúng thẩm quyền giải quyết, thời gian giải quyết vụ án đảm bảo, giải quyết theo yêu cầu nội dung khởi kiện; Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự các bước của phiên tòa dân sự sơ thẩm.

Về Nội dung: Quan hệ về tranh chấp Không công nhận quan hệ vợ chồng là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của n đơn theo quy định.

Về con chung: Chị T và anh S có 02 con chung tên Lê Trịnh Huỳnh V, sinh ngày 01/01/1995 và Lê Trịnh HT, sinh ngày 02/11/1998. Hiện các con đã thành niên, nên không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến làm việc, không hợp tác cùng Tòa án để ký nhận văn bản tố tụng; vì vậy Tòa án phải niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định; tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, nên phải hoãn phiên tòa; mở phiên tòa xét xử lần thứ hai theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn (anh S) có đơn xin xét xử vắng mặt, trong nội dung đơn anh S yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết đúng như nội dung đơn khởi kiện cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Nếu chị T cố tình yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng thì anh S yêu cầu giải quyết theo quy định.

Về hôn nhân: chị Trịnh Thị T và anh Lê Văn S quen biết tìm hiểu trên tinh thần tự nguyện và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định; mặc dù Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân - gia đình và Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 27/10/2001 quy định chi tiết về đăng ký kết hôn, nhưng chị T và anh S vẫn không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của chị T và anh S là không hợp pháp; theo Thông tư số: 01/2016/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 và Luật hôn nhân và gia đình, chị T yêu cầu giải quyết về hôn nhân, thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

Xét nội dung yêu cầu của chị T, theo xác minh tại chính quyền địa phương và lời khai của anh S; thì chị T không sống chung cùng nhà với anh S, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, sống thiếu tôn trọng nhau, không còn yêu quý trọng chăm sóc, giúp đỡ nhau. Đã xảy ra tình trạng ngược đãi nhau cả thể xác lẫn tinh thần, xúc phạm danh dự, đã sống ly thân nhau lâu rồi, mâu thuẫn của chị T và anh S không thể khắc phục được, thường xuyên xảy ra hơn, hôn nhân ngày càng

lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; chị T và anh S cũng đã gửi đơn xin ly hôn lên Tòa án cách đây mấy năm rồi. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của n đơn tuyên bố Không công nhận quan hệ vợ chồng,giữa chị T và anh S là có căn cứ đúng pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh S có 02 con chung tên Lê Trịnh Huỳnh V, sinh ngày 01/01/1995 và Lê Trịnh HT, sinh ngày 02/11/1998. Hiện các con đã thành niên, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung:chị T và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết.

Về án phí: Chị Tph chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại pên tòa là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 228; 233; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư số: 01/2016/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị T.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan vợ chồnggiữa chị Trịnh Thị T và anh Lê Văn S.

Về án phí buộc: Chị Trịnh Thị T ph chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng, nh được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng, theo Biên lai t tiền tạm ứng án phí số: 0008182 ngày 19/02/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh Gi; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (31/7/2024) các đương sự có quyền kháng cáo bản án; anh S vắng mặt tại pên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gi xét xử P thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND.H Chupăh;
- Chi cục THADS.H Chupăh;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Ia N;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Đức R